

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú được lập ngày 08 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo Thuyết minh số 11, 12, Công ty đang khởi kiện Công ty TNHH MTV Pang Rim Neotex đối với khoản tiền thuê nhà xưởng từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/06/2019 yêu cầu thanh toán với tổng số tiền là 51.092 triệu đồng (Trong đó bao gồm khoản Công ty TNHH MTV Pang Rim Neotex đã chuyển cho Công ty số tiền 5.151 triệu đồng theo Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 18/QĐ-CTHA ngày 24/02/2016 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự) và yêu cầu thu hồi tài sản trên đất gồm 34.172,78 m² nhà xưởng và 1.701,6 m² đường. Khoản chi phí khấu hao nhà xưởng cho thuê nêu trên lũy kế đến thời điểm 31/12/2019 là 3.492 triệu đồng và các khoản chi phí liên quan khác chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh do vụ án đang trong quá trình kháng cáo sau Bản án sơ thẩm. Với những tài liệu hiện có, Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề trên tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tại ngày 31/12/2021 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Ngọc Lân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 1427-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

Bùi Thị Loan

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 4927-2022-102-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		142.134.290.489	140.820.503.558
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	279.387.658	2.590.690.856
111	1. Tiền		279.387.658	2.590.690.856
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.885.359.844	62.287.749.724
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	37.057.789.301	55.283.506.619
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	1.882.961.838	7.230.903.196
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	69.376.498	55.954.126
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.124.767.793)	(282.614.217)
140	III. Hàng tồn kho	08	102.907.801.023	74.555.833.055
141	1. Hàng tồn kho		107.608.576.520	75.542.450.786
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.700.775.497)	(986.617.731)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.061.741.964	1.386.229.923
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.815.207.111	1.386.229.923
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		83.915.671	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	162.619.182	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		151.149.345.727	169.099.275.199
220	I. Tài sản cố định		145.363.459.825	163.807.976.042
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	145.363.459.825	163.807.976.042
222	- Nguyên giá		422.705.858.810	423.307.493.263
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(277.342.398.985)	(259.499.517.221)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	97.818.815	131.204.079
231	- Nguyên giá		31.288.376.715	31.288.376.715
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.190.557.900)	(31.157.172.636)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	11.984.778
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	11.984.778
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.688.067.087	5.148.110.300
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	5.688.067.087	5.148.110.300
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		293.283.636.216	309.919.778.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		205.949.280.935	236.176.792.460
310	I. Nợ ngắn hạn		168.489.330.889	170.356.749.092
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.572.535.913	9.124.084.372
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	8.545.767.460	4.722.359.085
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	2.906.245.730	7.292.843.334
314	4. Phải trả người lao động		6.675.580.918	2.930.833.666
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.216.362.665	1.102.373.333
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.220.326.534	1.385.984.564
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	128.346.813.988	143.745.973.057
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.697.681	52.297.681
330	II. Nợ dài hạn		37.459.950.046	65.820.043.368
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	13.100.000.000	13.100.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	24.359.950.046	52.720.043.368
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.334.355.281	73.742.986.297
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	87.334.355.281	73.742.986.297
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		70.000.000.000	70.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		70.000.000.000	70.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.665.784.839	3.665.784.839
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.668.570.442	77.201.458
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		64.055.736	(4.985.626.010)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.604.514.706	5.062.827.468
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		293.283.636.216	309.919.778.757

Phú Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thúy Nga



Dương Thị Thúy Nga



Khuất Đăng Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	446.580.295.333	344.235.186.821
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	144.546.000	616.074.621
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		446.435.749.333	343.619.112.200
11	4. Giá vốn hàng bán	22	400.417.620.347	308.979.175.804
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.018.128.986	34.639.936.396
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.231.100.907	181.785.800
22	7. Chi phí tài chính	24	9.162.657.376	14.716.024.803
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.548.661.928	12.834.920.230
25	8. Chi phí bán hàng	25	7.343.906.115	4.548.204.715
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.014.445.610	11.339.284.020
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.728.220.792	4.218.208.658
31	11. Thu nhập khác	27	969.208.734	844.954.966
32	12. Chi phí khác	28	1.294.634.067	336.156
40	13. Lợi nhuận khác		(325.425.333)	844.618.810
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.402.795.459	5.062.827.468
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	2.798.280.753	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		13.604.514.706	5.062.827.468
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.944	723

Người lập biểu



Dương Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Dương Thị Thúy Nga

Phủ Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Khuất Đăng Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		16.402.795.459	5.062.827.468
	2. Điều chỉnh cho các khoản		35.600.137.185	35.700.026.408
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		21.621.182.296	21.539.709.721
03	- Các khoản dự phòng		5.556.311.342	(11.897.395)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		101.501.043	1.501.776.735
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(227.519.424)	(164.482.883)
06	- Chi phí lãi vay		8.548.661.928	12.834.920.230
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.002.932.644	40.762.853.876
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		23.305.362.753	3.546.904.362
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(32.066.125.734)	(4.693.891.420)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		10.782.776.473	(4.157.544.999)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		45.604.845	2.717.809.375
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.673.861.932)	(12.883.753.030)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.155.725)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(46.600.000)	(171.927.275)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		45.345.933.324	25.120.450.889
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.010.823.160)	(3.590.376.195)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		226.915.000	163.636.364
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		604.424	846.519
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.783.303.736)	(3.425.893.312)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		377.838.743.017	299.749.382.395
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(421.690.874.444)	(323.469.724.151)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.500.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(43.873.631.427)	(23.720.341.756)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.311.001.839)	(2.025.784.179)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.590.690.856	4.616.518.762
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(301.359)	(43.727)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>279.387.658</u>	<u>2.590.690.856</u>

Phủ Thọ, ngày 08 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Dương Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Dương Thị Thúy Nga

Tổng Giám đốc



Khuất Đăng Bình